

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 02 năm 2021
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Quân

Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà Lại Phương Thúy

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hào - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263 /2020/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Chị Khổng Thị P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh kết hôn với chị Khổng Thị P ngày 13/7/2017, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L. Tổ chức kết hôn xong chị P về chung sống cùng gia đình anh được hơn 01 năm thì vợ chồng làm ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị P không quan tâm đến chồng con, không chịu khó làm ăn, anh nói

thì chị P thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Hai bên gia đình dần xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng không về đoàn tụ, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, hiện nay chị P đang ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã X. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 10/8/2018. Hiện nay con đang ở với chị P. Ly hôn, anh đề chị P nuôi cháu Á và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P theo thu nhập hàng tháng của anh và anh không đặt ra mức cấp dưỡng cụ thể. Hiện anh đang chạy xe tắc xi tại Hà Nội thu nhập bình quân một tháng 8.000.000đ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Không Thị P trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết ông Không Văn L trình bày: Ông là bố đẻ chị Không Thị P, năm 2017 ông tổ chức đám cưới cho anh M và chị P về chung sống với nhau. Sau khi cưới chị P về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh M. Quá trình vợ chồng chung sống đã mâu thuẫn từ lâu, anh M thường xuyên đưa chị P trở về gia đình ông, vợ chồng đánh cãi chửi nhau, anh M và mẹ đẻ anh M đánh đập chị P. Nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do anh M đưa con riêng của anh M với người vợ trước về ở cùng với gia đình anh chị, kinh tế khó khăn nên sinh ra mâu thuẫn. Chị P đã bỏ về nhà ông ở từ mừng 2 tết âm lịch năm 2020 cho đến nay. Nay anh M có đơn xin ly hôn chị P để anh chị tự quyết định. Về con chung anh chị có 01 con chung Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 10/8/2018, hiện cháu đang ở với chị P. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ ông không nắm được. Hiện nay chị P đang đi làm công nhân sáng đi làm tối về nhà ông tại thôn H, xã X. Những lần tòa án báo gọi ông nhận được giấy đều thông báo cho chị P nhưng do chị P bận đi làm nên không đến tòa án làm việc được.

Qua xác minh tại UBND xã L: Anh Nguyễn Văn M và chị Không Thị P kết hôn ngày 13/7/2017 tại UBND xã L. Sau khi cưới chị P về làm dâu chung sống cùng gia đình anh M tại thôn P, xã L. Được một thời gian ngắn thì anh chị ra ở riêng nhưng vẫn ở chung nhà. Quá trình vợ chồng chung sống địa phương nghe nói đến tết âm lịch năm 2020 thì anh chị mâu thuẫn nguyên nhân là do mẹ đẻ anh M và chị P mâu thuẫn với nhau. Mừng 1 tết âm lịch năm 2020 anh chị cãi nhau nên chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã X từ đó cho đến nay. Nay anh M có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trước khi chị P và anh M kết hôn anh M đã kết hôn lần một với người phụ nữ ở xã T có một con chung, gần

đây anh M đưa về chung sống cùng gia đình anh. Về con chung vợ chồng có một con Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 10/8/2018, hiện nay cháu Á đang ở với chị P. Ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản công nợ, địa phương không nắm được.

Qua xác minh tại UBND xã X: Hiện nay chị P đang ở cùng bố mẹ chị là ông Khổng Văn L tại thôn H, xã X. Hiện chị đang đi làm công nhân vẫn thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ. Việc tòa án triệu tập nhưng chị P không đến làm việc địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1.Xử cho anh Nguyễn Văn M và chị Khổng Thị P được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Khổng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Á , sinh ngày 10/8/2018. Anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

4. Về án phí anh Nguyễn Văn M phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Khổng Thị P là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn M và chị Khổng Thị P là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống do chị P mâu thuẫn với mẹ chồng và do kinh

tế khó khăn nên thường xuyên chửi nhau. Chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tết năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị P. Đối với chị Khổng Thị P tòa án đã báo gọi nhiều lần đến làm việc nhưng chị đều vắng mặt, ngày 10/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã có thông báo phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 263/2020/TBXXST cho chị P nhưng đến nay chị P vẫn vắng mặt không có lý do. Việc chị P biết mình được tòa án triệu tập để giải quyết việc anh M xin ly hôn chị, nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc, thể hiện chị P không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh M xin ly hôn chị P là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 10/8/2018, hiện nay cháu đang ở cùng chị P. Ly hôn anh M đồng ý để chị P nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P theo thu nhập hàng tháng của anh và anh không đặt ra mức cấp dưỡng cụ thể là tự nguyện nên chấp nhận. Do vậy căn cứ vào Điều 81, Điều 82 luật Hôn nhân gia đình giao chị P trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Á và anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Á đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh M không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho anh Nguyễn Văn M và chị Khổng Thị P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Khổng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 10/8/2018, hiện cháu đang ở cùng chị P. Anh M phải

cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Á đủ 18 tuổi. Anh M có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M không tự nguyện thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007902 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh M còn phải nộp tiếp là 300.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Liên Hòa ;
- Lưu.

Trần Thị Huệ